

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ;

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Vân Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 582/2020/QĐST-NHGD ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1985

+ *Bị đơn:* Anh Lý Đình H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: số 104, tổ 4, ấp L, xã L1, huyện N, tỉnh Đ.

(chị D có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, các lời khai tiếp theo và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh Lý Đình H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2007 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện N, tỉnh Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được 02 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên cờ bạc, chơi bời, trai gái nên vợ chồng thường cự cãi. Đến cuối năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân, có bàn bạc hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lý Thị Phương V, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lý Nam H, sinh ngày 14/8/2009. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Hiện nay chị đang làm chủ quán ăn, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2020, bị đơn anh Lý Đình H trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thùy D yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện N, tỉnh Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, chung sống với nhau không hạnh phúc nên đã ly thân. Nay tình cảm không còn nên việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lý Thị Phương V, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lý Nam H, sinh ngày 14/8/2009. Nếu ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh phải cấp dưỡng, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

anh H xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:*

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Thị Phương V, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lý Nam H, sinh ngày 14/8/2009 cho chị D nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lý Đình H; hiện các đương sự đang thường trú và sinh sống tại ấp L, xã L1, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lý Đình H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện N, tỉnh Đ vào năm 2010 nên hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị D nộp đơn xin ly hôn. anh H cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc và đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Cho thấy hôn nhân của chị D và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lý Thị Phương V, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lý Nam H, sinh ngày 14/8/2009. Tại phiên tòa, chị D tiếp tục có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. anh H có ý kiến đồng ý, không tranh chấp việc nuôi con với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy 02 cháu Vy, Huy hiện đang do chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ và chị D có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng các con chung trưởng thành. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung của chị D và anh H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vy và cháu Huy cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D.

Xử: Cho chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Lý Đình H.

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung là cháu Lý Thị Phương V, sinh ngày 01/4/2008 và cháu Lý Nam H, sinh ngày 14/8/2009 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. anh H không cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000313 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. chị D đã nộp đủ.

Báo cho chị D biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L1;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Hữu Chí